TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2025/HS-PT
Ngày 17 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hoàng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu;

Bà Lê Thị Tuyết Trinh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Anh Quân – Thẩm tra viên Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Cao Minh Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 123/2025/TLPT-HS ngày 05 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn B; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2025/HS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai).

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Nguyễn Văn B (tên gọi khác: không); sinh năm 1970 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; nơi thường trú: thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai); nơi ở hiện tại: thôn S1, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: làm rẫy; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1925 (đã chết) và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1930, bị cáo có vợ tên Trần Thị Lệ Th, sinh năm 1982 và 01 người con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam ngày 04/3/2024. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án:* Bà Lê Ngô Phương Th – Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- *Người bị hại:*

1/. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960; nơi cư trú: thôn S1, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai).

2/. Bà Vũ Thị Thu Ph, sinh năm 1970 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bà Ph: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960. Nơi cư trú: thôn S1, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai).

3/. Chị Nguyễn Vũ Thụy V, sinh năm 2005; nơi cư trú: thôn S1, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Vũ Hoàng N, sinh năm 2000; nơi cư trú: thôn S1, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai).

(Trong vụ án, bị hại, đại diện bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Văn B là anh em ruột, sinh sống kế nhà nhau tại xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai). Năm 2021, gia đình ông H và gia đình bị cáo B xảy ra tranh chấp đất đai, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tổ chức hòa giải nhưng không thành nên hướng dẫn hai bên gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện B để giải quyết. Tuy nhiên, hai gia đình không thực hiện mà tự giải quyết với nhau, dẫn đến mâu thuẫn.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 04/3/2024, giữa bị cáo B và chị Nguyễn Vũ Thụy V (con gái của ông H) xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau ở trước sân nhà bị cáo về việc chị V nhổ rau của bị cáo. Lúc này, chị V lao vào dùng tay tát một cái trúng vào vùng mặt của B thì bị B dùng tay đánh lại. Thấy vậy, bà Vũ Thị Thu Ph (vợ ông H) dùng một cây sào (loại cây tre) đâm về phía B thì bị B nắm lấy cây sào rồi bẻ gãy. Do bực tức nên B chạy vào trong nhà lấy một con dao rựa (loại dao phát cỏ) dài khoảng 80cm chạy ra chém nhiều nhát về phía người chị V thì trúng một nhát vào vùng sau gáy của chị V làm chị V ngồi bệt xuống nền đất. B thấy bà Ph đang đứng cách đó khoảng 04 mét nên cầm dao rựa chạy lại vung lên chém nhiều nhát trúng vào vùng đầu và mặt của bà Ph làm bà Ph ngã xuống nền đất bất tỉnh. B cầm dao rựa đi lại chỗ V ngồi dùng sống dao chém liên tiếp 03 cái vào vùng đầu của V làm V bất tỉnh. Thấy vậy, anh Nông Thanh T là hàng xóm chạy đến can ngăn. Sau đó, B điều khiển xe mô tô biển số 93F6-4403 và cầm theo con dao rựa đi đến rẫy của ông H ở xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông tìm chém ông H. Khi B đi tới căn nhà rẫy của ông H thì không thấy có ai trong nhà nên B đi ra ngoài dựng xe mô tô ở khu vực đường đất, cách đường vào căn nhà rẫy khoảng 30 mét. Lúc này B thấy ông H đang điều khiển xe mô tô đi về hướng của B đang đứng, do vậy khi ông H vừa chạy xe tới thì B dùng hai tay cầm dao rựa chém từ trên xuống dưới hướng từ phải qua trái vào tay phải của ông H làm đứt lìa bàn tay phải. Ông H ngã khỏi xe, rồi đứng dậy bỏ chạy, B đuổi theo được khoảng 10 mét rồi cầm

dao rựa bằng hai tay chém từ trên xuống dưới hướng từ phải qua trái trúng vào vùng lưng của ông H, khiến ông H ngã xuống đường rồi tiếp tục ngồi dậy. B đứng đối diện dùng hai tay cầm dao rựa chém từ trên xuống dưới hướng từ phải qua trái thì ông H đưa tay trái ra đỡ thì phần cán dao rựa trúng vào cẳng tay trái làm gãy xương cánh tay trái. B tiếp tục dùng hai tay cầm dao rựa chém từ trên xuống dưới hướng từ trái qua phải vào phần cánh tay bên phải rồi trượt trúng vào vùng sườn bên phải của ông H làm rách da, chảy máu. B tiếp tục dùng hai tay vung dao rựa chém từ trên xuống dưới theo hướng từ phải qua trái trúng vào vùng sườn bên trái của ông H. Tiếp đó, B dùng hai tay cầm dao rựa vung chém từ trên xuống dưới, từ phải qua trái trúng vào vùng má trái ông H, khiến ông H bị rách má bên trái, gãy 06 (sáu) cái răng hàm trên, bên trái, rồi B tiếp tục chém từ trên xuống nhưng không trúng. Lúc này, ông H dùng hai chân kẹp chặt con dao rựa và giằng co qua lại. Trong lúc ông H và B giằng co thì Nguyễn Vũ Hoàng N (con trai ông H) nhìn thấy nên đã lấy con dao phát của mình và trở sống dao đánh từ trên xuống trúng vào phần trán trái và cẳng tay phải của B, B bỏ chạy. Nam đuổi theo khoảng 30m dùng phần sống dao phát đánh vào chân và người B 03 (ba) cái rồi dừng lại và đưa ông H đi cấp cứu. Đến khoảng 11 giờ 30 cùng ngày, B đến Công an xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước đầu thú khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Kết luận giám định tử thi số 288/KL-KTHS ngày 22/3/2024, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước đã kết luận đối với bị hại Vũ Thị Thu Ph: Vết thương sọ não hở gây dập não, xuất huyết nội sọ, hôn mê sâu không hồi phục dẫn đến tử vong.

Tại Kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 374/KLTTCT-TTPY ngày 21/8/2024, Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh Bình Phước kết luận đối với bị hại Nguyễn Vũ Thụy V: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 15%.

Tại Kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 180/KLTTCT-TTPY ngày 27/6/2024, Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Nông kết luận đối với bị hại Nguyễn Văn H: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn H tại thời điểm giám định là 38%.

Tại Kết luận giám định bổ sung tổn thương trên cơ thể người sống số 409/KLBSTTCT- TTPY ngày 29/10/2024, Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Nông kết luận đối với Nguyễn Văn H:

+ Gãy 03 thân răng R21; R22; R23, tỷ lệ 06%.

+ Gãy 02 thân răng R24; R25, tỷ lệ 03%.

+ Gãy 01 thân răng R26, tỷ lệ 2,5%.

+ Tổn thương hỗn hợp cẳng tay, bàn tay phải (mạch máu, thần kinh, gãy 1/3 dưới 2 xương cẳng tay, sẹo phần mềm cẳng bàn tay phải), tỷ lệ 48,45%.

Kết luận chung đối với bị hại Nguyễn Văn H: Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên cơ thể người sống số 180/KLTTCT-TTPY ngày 27/6/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Nông kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể

của Nguyễn Văn H tại thời điểm giám định là 38%. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn H tại thời điểm giám định bổ sung là: 34%. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn H là 71%.

Kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 185/KLTTCT-TTPY ngày 11/6/2024, Trung tâm pháp y tỉnh Bình Phước kết luận đối với Nguyễn Văn B: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn B tại thời điểm giám định là: 17%.

Tại Cáo trạng số 21/CT-VKSBP-P2 ngày 22/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội *"Giết người"* theo điểm a, e, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và tội *"Cố ý gây thương tích"* theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2025/HS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai) đã quyết định:

1/. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội "Giết người" và tội "Cố ý gây thương tích".

2/. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng điểm a, e, n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 40, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B tử hình về tội "Giết người".

Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 08 (tám) năm về tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải chấp hành hình phạt chung là tử hình.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị kết án được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước theo điểm d khoản 1 Điều 367 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, lãi suất do chậm thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/7/2025, bị cáo Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng đã cố gắng khắc phục hậu quả cho bị hại được 10.000.000 đồng; bị cáo còn mẹ già, con nhỏ cần chăm sóc; bà nội bị cáo là liệt sĩ.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Mặc dù bị cáo với các bị hại có mâu thuẫn nhỏ nhưng bị cáo đã dùng hung khí để chém các bị hại, mong muốn tước đi tính mạng của các bị hại trong khi bị cáo và bị hại có quan hệ nhân thân. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo tử hình về tội "Giết người" và 08 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là tử hình là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo trình bày gia đình đã bồi thường cho phía bị hại được 10.000.000 đồng nhưng so với hậu quả mà bị cáo đã gây ra thì không đáng kể. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo thêm về tội *"Cố ý gây thương tích"* mà chỉ xử bị cáo về tội *"Giết người"* theo điểm a khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là phù hợp. Từ lúc gây án cho đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn nên chỉ bồi thường được 10 triệu đồng, kính mong Hội đồng xét xử xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn B đảm bảo hình thức, nội dung, thời hạn, đủ điều kiện để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn B thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Xuất phát từ mâu thuẫn trong việc tranh chấp đất đai với gia đình ông Nguyễn Văn H, khoảng 10 giờ 30 phút ngày 04/3/2024 tại thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước, sau khi xảy ra xô xát, bị cáo Nguyễn Văn B sử dụng dao rựa (loại dao phát cỏ, dài khoảng 80cm) chém vào vùng sau gáy của bị hại Nguyễn Vũ Thụy V (con ông H); sau đó vung dao chém nhiều nhát vào vùng đầu và mặt của bị hại Vũ Thị Thu Ph (vợ ông H) làm bà Ph ngã xuống nền đất, bất tỉnh; bị cáo tiếp tục quay lại dùng sống dao chém liên tiếp 03 nhát vào vùng đầu bị hại V thì được hàng xóm can ngăn. Ngay sau đó, bị cáo B cầm dao rựa trên, điều khiển xe đến rẫy của ông Nguyễn Văn H tại xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông tìm chém ông H. Khi thấy ông H điều khiển xe hướng về phía mình, bị cáo dùng hai tay cầm dao rựa chém vào tay phải ông H, làm đứt lìa bàn tay phải; ông H bỏ chạy, bị cáo đuổi theo được khoảng 10m thì dùng dao chém vào vùng lưng ông H khiến ông H ngã xuống đường, sau đó bị cáo chém tiếp nhiều nhát trúng vào cánh tay

trái, tay phải, sườn trái, má trái của ông H cho đến khi anh Nguyễn Vũ Hoàng N (con ông H) can thiệp thì bị cáo dừng lại. Hậu quả bị hại Vũ Thị Thu Ph tử vong, bị hại Nguyễn Vũ Thụy V bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ 15%, bị hại Nguyễn Văn H bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ 71% tại thời điểm giám định.

[3] Với hành vi nêu trên, cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo về tội *"Giết người"* với tình tiết định khung *"Giết 02 người trở lên"*, *"Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng"*, *"có tính chất côn đồ"* quy định tại điểm a, e, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và tội *"Cố ý gây thương tích"* với tình tiết định khung *"Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên..."* quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm kết luận hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm tấn công bị hại Vũ Thị Thu Ph, bị hại Nguyễn Vũ Thụy V của bị cáo phạm tội *"Giết người"* theo quy định tại Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Đối với hành vi dùng hung khí tấn công ông Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy: việc truy tố, xét xử bị cáo của cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm chưa phù hợp với quy định pháp luật. Bị cáo sử dụng con dao rựa là hung khí nguy hiểm tấn công ông H; ông H bỏ chạy, bị cáo tiếp tục đuổi theo, chém vào vùng lưng ông H khiến ông H ngã xuống; sau khi ông H ngã xuống, ở tư thế không chống cự được, bị cáo chém nhiều nhát, liên tục vào các vùng khác nhau trên cơ thể ông H. Việc bị cáo tấn công bị hại Hiến với cường độ mạnh, liên tiếp như trên thể hiện sự quyết liệt trong hành vi, mong muốn tước đoạt mạng sống của bị hại; kết luận giám định tổn thương cơ thể cho thấy bị hại bị đa chấn thương với tỷ lệ thương tật lên đến 71%; bị hại không chết là ngoài ý thức và mong muốn chủ quan của bị cáo. Hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội *"Giết người"* quy định tại Điều 123 Bộ luật Hình sự. Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm khởi tố, truy tố, xét xử bị cáo về tội *"Cố ý gây thương tích"* theo quy định tại Điều 134 Bộ luật Hình sự là chưa đánh giá đúng hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền không kháng nghị, các bị hại, đại diện bị hại không kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh đối với bị cáo. Trong phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử không làm xấu hơn tình trạng của bị cáo. Mặt khác, hiện nay bị cáo đã bị xử phạt tử hình về tội *"Giết người"*; việc hủy một phần bản án sơ thẩm để truy tố, xét xử lại đối với hành vi phạm tội liên quan đến bị hại Nguyễn Văn H không làm thay đổi tình trạng pháp lý của bị cáo. Với các lý do trên, Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm; tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm cần xem xét, rút kinh nghiệm trong việc đánh giá, xác định tội danh.

[4] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của nhiều người bị hại; gây tâm lý hoang mang, bất bình, phẫn nộ trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự

tại địa phương. Chỉ vì mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày, bị cáo không sử dụng biện pháp giải quyết theo quy định pháp luật mà sử dụng vũ lực, dùng hung khí nguy hiểm tấn công quyết liệt, cố ý tước đoạt tính mạng của 03 người bị hại một cách tàn nhẫn, hậu quả làm 01 người chết và 02 người bị thương nghiêm trọng, gây ra những đau thương, mất mát cho gia đình bị hại mà không gì bù đắp được. Hành vi của bị cáo thể hiện bản tính hung hãn, côn đồ, ý thức xem thường pháp luật, coi thường tính mạng của người khác nên cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc nhất để răn đe và phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cân nhắc nhân thân và quyết định xử phạt bị cáo tử hình về tội *"Giết người"*, 08 năm tù về tội *"Cố ý gây thương tích"*; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành chung tử hình là phù hợp, tương xứng với tính chất hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra. Đồng thời như đã phân tích tại mục [3], Hội đồng xét xử xác định bị cáo phải bị truy tố, xét xử về tội danh *"Giết người"* đối với cả 03 bị hại; tương ứng tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội sẽ cao hơn. Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới để thay đổi mức hình phạt của Bản án sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ xem xét, chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

[5] Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị bác đơn kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[6] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử không xét xử bị cáo thêm tội *"Cố ý gây thương tích"* mà chỉ xét xử bị cáo về tội giết nhiều người (giết 3 người) là có cơ sở như nhận định tại mục [3]. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn B; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2025/HS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai).

1. Về trách nhiệm hình sự.

1.1. Về tội danh.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội *"Giết người"* và tội *"Cố ý gây thương tích"*.

1.2. Về hình phạt.

- Áp dụng điểm a, e, n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 40, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B tử hình về tội *"Giết người"*.

- Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 08 (tám) năm về tội *"Cố ý gây thương tích"*.

- Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự; khoản 4 Điều 329, điểm d khoản 1 Điều 367 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải chấp hành hình phạt chung là tử hình.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn B để đảm bảo thi hành án.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Nguyễn Văn B được quyền gửi đơn đến Chủ tịch Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để xin ân giảm án tử hình.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Vụ Giám đốc, kiểm tra về hình sự Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (2);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (1);
- Công an tỉnh Đồng Nai (1);
- TTG số 2 Công an tỉnh Đồng Nai để tống đạt cho bị cáo (2);
- Lưu (5) 16b Án (AQ).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thanh Hoàng